

Một vài ví dụ có thể minh chứng cho việc ý thức có thể tác động trở lại vật chất như:

- + Hiểu được tính chất vật lý của thép là nóng chảy ở nhiệt độ hơn 10000C, người ta tạo ra các nhà máy gang thép để sản xuất thép đủ kích cỡ chứ không phải bằng phương pháp thủ công cổ xưa
- + Từ nhận thức đúng đắn về thực tế kinh tế đất nước. Từ sau Đại hội VI, đảng ta chuyển nền kinh tế từ tự cung, quan liêu sang nền kinh tế thị trường, để sau gần 30 năm bộ mặt nước ta đã thay đổi hẳn.
- + Bạn A bị hack nick facebook , kẻ gian đã dùng nick của bạn A để nhắn tin giả mượn tiền bạn thân của A là B , vì nhận thức sai rằng đó đúng là bạn mình và đang cần giúp đỡ nên B đã chuyển tiền qua theo số tài khoản mà kẻ gian cung cấp.
- + Em là học sinh rất yếu anh văn nhưng ý thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong cuộc sống và công việc sau này nên xem đó là mục tiêu để phấn đấu, cải thiện thì ý thức sẽ tác động vào chủ thể để cố gắng học hành đạt được mục tiêu

Liên hệ thực tiễn(gia đình, cá nhân, xã hội, quan hệ) khi tìm hiểu về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

- + Khi đang đi trên đường , ta thấy một cái cây bị đổ chắn ngang đường đi (đây là vật thể ta thấy), ta thấy nó sẽ làm cản trở đường và gây nguy hiểm cho mọi người tham gia giao thông (đến đây vật chất đã tạo ra ý thức của con người) , sau đó ta quyết định di chuyển cây gỗ đi (từ nhận thức về sự nguy hiểm của cây, nhận thức lại tác động ngược lại và điều khiển hành vi của con người phải di chuyển cây gỗ)
- + Hôm nay em nấu cơm nhưng do bỏ nhiều nước cơm bị nhão (đây là vật chất), e muốn ăn cơm khô ý thức được bỏ ít nước lại (vật chất đã quyết định ý thức)
- + Ông cha ta dạy: “Được voi, đòi tiên” -> Vật chất biến đổi thì ý thức biến đổi theo. Trong câu này khi vật chất của cải càng tăng thì lòng tham của con người cũng càng tăng hơn nữa
- + Ở Việt Nam, nhận thức của học sinh tiểu học, cấp hai, cấp ba về công nghệ thông tin còn rất yếu. Nguyên nhân là do thiếu máy móc cũng như thiếu đội ngũ giảng viên. Nhưng nếu đáp ứng được vấn đề hạ tầng thì trình độ tin học của học sinh tiểu học, cấp hai, cấp ba của sẽ tốt hơn rất nhiều. Nhận thức được tình hình đó nhà nước ta và bộ giáo dục làm những cải cách để học sinh có thể được tiếp cận nhiều hơn như phổ biến nhiều về những mặt lợi khi biết thêm công nghệ, đầu tư trong việc giảng dạy và phát triển thiết bị thực hành cho mỗi địa phương để tiện cho việc giáo dục. Điều này đã khẳng định điều kiện vật chất như vậy thì ý thức cũng như vậy
- + Đại dịch covid-19 (vật chất) đang diễn ra phức tạp, nhận thức được sự nguy hiểm đó mỗi cá nhân chúng ta cần phải ý thức thực hiện quy tắc 5K để tác động lại vật chất đó là đẩy lùi dịch bệnh.

1. Bước ngoặt cách mạng trong triết học do Mác Ăngghen thực hiện -> sự ra đời phát triển của TH Mác - Lê nin (9/SGK)

-Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

+ Điều kiện kinh tế-xã hội

+ Nguồn gốc lí luận: triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển Anh và CNXH không tưởng đầu thế kỉ XIX

+Tiền đề khoa học tự nhiên

-Nhân tố chủ quan: bộ óc thiên tài và hoạt động thực tiễn không biết mệt mỏi của C.Mác và Ph.Ăngghen

-Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

2. Dựa vào cơ sở nào xác định 1 trường phái triết học là duy vật duy tâm hay nhị nguyên -> Dựa vào giải quyết mặt thứ nhất vấn đề cơ bản triết học rồi khái quát 3 trường phái trên. Vai trò của chủ nghĩa duy vật chủ nghĩa duy tâm (6/SGK)

-Thuyết nhị nguyên hay nhị nguyên luận thừa nhận sự tồn tại hai thực thể vật chất và ý thức song song tồn tại , có những thuộc tính riêng độc lập , không cái nào có trước, không cái nào quyết định cái nào.

- Có nhiều dạng nhị nguyên, một trong số đó là thuyết nhị nguyên về triết học xem vật chất và ý thức (hay tinh thần), tạo thành hai nguồn gốc của thế giới. Triết học nhị nguyên cố gắng đứng trên lập trường của cả chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm để giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư duy và tồn tại. Chủ nghĩa duy vật và duy tâm không loại trừ nhau mà chúng bổ sung lẫn nhau. Nhưng thực chất triết học nhị nguyên luận tự mâu thuẫn với bản thân mình, vì không thể giải đáp được triệt để mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, tồn tại và tư duy. Hạn chế lớn nhất trong các học thuyết nhị nguyên của các nhà triết học là sự không thể khẳng định vật chất có trước hay ý thức có trước, là người đã đứng giữa ranh giới của chủ nghĩa duy vật và duy tâm. Họ muốn dung hoà hai trường phái trên để dẫn đến một trường phái duy nhất đó là cùng tồn tại. Quan điểm của họ đa phần là hoài nghi vì thế mà khi giải quyết tiếp mặt thứ hai vấn đề cơ bản của triết học họ đã rơi vào thuyết bất khả tri và dần dần triết học của họ chuyển sang duy tâm

Ví dụ: như tất các cặp phạm trù và khái niệm: xấu – đẹp; thật thà – dối trá; cao – thấp; nhân từ – độc ác... và tất cả các cặp khái niệm còn lại. Chỉ lấy một cặp khái niệm / phạm trù để phân tích bản chất: Cặp xấu – đẹp Đây là hai khái niệm ngược nhau. Mới đọc qua thì mọi người đều hiểu đây là hai khái niệm ngược chiều nhau và chỉ hai trạng thái khác nhau. Nhưng dựa theo thuyết nhị nguyên luận có thể nói đây là một cặp khái niệm để chỉ cùng một vấn đề: nếu không có xấu thì làm sao biết được cái gì là đẹp? và ngược lại, nếu không có đẹp thì sao biết cái gì là xấu? Có nghĩa là, không thể chỉ có một khái niệm tồn tại. Nếu không có cái này sẽ không có cái kia

3. Các hình thức của chủ nghĩa duy vật, tại sao nói chủ nghĩa duy vật biện chứng là hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật

-Chủ nghĩa duy vật có 3 hình thức cơ bản (6/SGK)

+Chủ nghĩa duy vật chất phác

+Chủ nghĩa duy vật siêu hình

+Chủ nghĩa duy vật biện chứng

(26/SGK)

-Chủ nghĩa duy vật biện chứng của C.Mác và Ph.Ăngghen là hình thức - trình độ phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật trong lịch sử triết học, vì:

+Thứ nhất, nó không chỉ đứng trên lập trường duy vật để giải thích các tồn tại trong giới tự nhiên (như chủ nghĩa duy vật siêu hình cổ đại), mà còn đứng trên lập trường duy vật để giải thích các hiện tượng, quá trình diễn ra trong đời sống xã hội của con người - đó là các quan điểm duy vật. lịch sử hay chủ nghĩa duy vật lịch sử.

+Thứ hai, Người không chỉ đứng trên quan điểm duy vật trong quá trình định hướng ý thức và cải tạo thế giới mà còn sử dụng phương pháp biện chứng trong quá trình này. Nhờ đó tạo ra tính đúng đắn, khoa học trong việc giải thích thế giới và cải tạo thế giới.

+Thứ ba, nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng được xây dựng trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của lịch sử triết học và trên cơ sở tổng hợp những thành tựu vĩ đại của khoa học và thực tiễn trong thời đại mới; nó trở thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học của giai cấp cách mạng và lực lượng tiến bộ ngày nay.

4.Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất (Chủ yếu về đn vật chất của Lênin). Nó khắc phục được thiếu sót nào trong quan hệ về vật chất của triết học trước Mác? (19,20/SGK)

- Chủ nghĩa duy vật hay còn được biết với cái tên khác là thuyết duy vật hay duy vật luận (tiếng Anh: Materialism), là một trường phái triết học, một thế giới quan hay một hình thức của chủ nghĩa triết học nhất nguyên tin rằng vật chất là yếu tố quan trọng trong cuộc sống, bởi vì tất cả mọi thứ, bao gồm cả trạng thái tâm lý và nhận thức đều là sản phẩm của quá trình tương tác vật chất. Theo chủ nghĩa duy vật triết học, tâm trí và ý thức là sản phẩm phụ của các quá trình vật chất, mà không có chúng thì tâm trí và ý thức không tồn tại. Chủ nghĩa duy vật có liên quan chặt chẽ với chủ nghĩa duy vật lý, với quan điểm rằng tất cả những gì tồn tại cuối cùng là vật chất. Chủ nghĩa duy vật thuộc lớp của bản thể học mang tính nhất nguyên. Đối với các giải thích số ít về hiện thực hiện tượng, chủ nghĩa duy vật sẽ trái ngược với chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa trung lập và chủ nghĩa tâm linh. Chủ nghĩa duy vật thường gắn liền với chủ nghĩa giản lược, theo đó các đối tượng hoặc hiện tượng được phân chia ở một cấp độ mô tả, nếu chúng là chính hã, phải được giải thích về các đối tượng hoặc hiện tượng ở một mức độ mô tả khác thông thường, ở mức độ giảm hơn.

-Chủ nghĩa duy vật biện chứng được biết đến chính là hình thức cơ bản thứ ba của chủ nghĩa duy vật, do C.Mác và Ph.Ăngghen xây dựng vào những năm 40 của thế kỷ XIX, sau đó được V.I.Lênin phát triển. Ph.Ăngghen cho rằng: "Phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy". V.I.Lênin đã khẳng định: "Trong số những thành quả đó thì thành quả chủ yếu là phép biện chứng, tức là học thuyết về sự phát triển, dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiên diện, học thuyết về tính tương đối của nhận thức của con người, nhận thức này phản

ánh vật chất luôn luôn phát triển không ngừng. Như vậy, duy vật biện chứng là gì hiện nay chỉ đưa ra khái niệm chung chung chưa có một định nghĩa rõ ràng và thống nhất”.

-Chủ nghĩa duy vật biện chứng ngay từ khi mới được ra đời đã có vai trò quan trọng và có thể khắc phục được hạn chế của chủ nghĩa duy vật chất phác thời cổ đại, chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy vật biện chứng là đỉnh cao trong sự phát triển của chủ nghĩa duy vật. Ta nhận ra rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng không những phản ánh hiện thực đúng như chính bản thân nó tồn tại mà chủ nghĩa duy vật biện chứng còn là một công cụ hữu hiệu giúp các lực lượng tiến bộ trong quá trình cải tạo hiện thực ấy. Triết học Mác - Lênin về bản chất chính là triết học duy vật, vì triết học đó coi ý thức là thuộc tính của loại vật chất có tổ chức cao là bộ não người và nhiệm vụ của bộ não người cũng đồng thời là của thế giới vật chất. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng là hình thức cao nhất trong các hình thức của chủ nghĩa duy vật.

-Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng được thể hiện ở các khía cạnh: Giải quyết duy vật biện chứng vấn đề cơ bản của triết học; Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng tạo nên chủ nghĩa duy vật biện chứng; Quan niệm duy vật về lịch sử là cuộc cách mạng trong học thuyết về xã hội; Sự thống nhất giữa tính khoa học với tính cách mạng, lý luận với thực tiễn tạo nên tính sáng tạo của triết học Mác - Lênin. Đặc điểm của biện chứng duy vật như sau:

- + Coi một sự vật hay một hiện tượng trong trạng thái luôn phát triển và xem xét nó trong mối quan hệ với các sự vật và hiện tượng khác.
- + Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin là phép biện chứng được xác lập trên nền tảng của thế giới quan duy vật khoa học. Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác Lênin không chỉ là sự giải thích đúng đắn về tính biện chứng của thế giới mà còn là phương pháp luận khoa học của việc nhận thức và cải tạo thế giới.
- + Phép biện chứng duy vật có sự thống nhất giữa nội dung thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận hiện chứng duy vật, do đó nó không dừng lại ở sự giải thích thế giới mà còn là công cụ để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.
- + Phép biện chứng duy vật chính là công cụ khoa học vĩ đại để giai cấp cách mạng nhận thức và cải tạo thế giới.

5. Phân tích phương thức và hình thức tồn tại vật chất (Vd không gian và thời gian) (20/SGK). Trong kết cấu của hình thức, yếu tố nào quan trọng nhất (tri thức)

-Vận động là phương thức tồn tại của vật chất Ph.Ăngghen định nghĩa: “Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất – tức được hiểu là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, - thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy: Ph.Ăngghen đã phân chia vận động thành 5 hình thức cơ bản: vận động cơ học (sự di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian); vận động vật lý (vận động của các phân tử, điện tử, các hạt cơ bản, các quá trình nhiệt, điện...); vận động hóa học (sự biến đổi các chất vô cơ, hữu cơ trong quá trình hóa hợp và phân giải); vận động sinh học (sự biến đổi của các cơ thể sống, biến thái cấu trúc gen...); vận động xã hội (sự biến đổi trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa... của đời sống xã hội)

- Khi khẳng định vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất; chủ nghĩa duy vật biện chứng cũng đã khẳng định vận động là tuyệt đối, là vĩnh viễn. Điều này không có nghĩa là chủ nghĩa duy vật biện chứng phủ nhận đứng im; song, quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đứng im là trạng thái đặc biệt của vận động, đó là vận động trong thế cân bằng và đứng im là hiện tượng tương đối, tạm thời.

- Không gian, thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất. Mọi dạng cụ thể của vật chất đều tồn tại ở một vị trí nhất định, có một quảng tính (chiều cao, chiều rộng, chiều dài) nhất định và tồn tại trong các mối tương quan nhất định (trước hay sau, trên hay dưới, bên phải hay bên trái...) với những dạng vật chất khác. Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là không gian. Mặt khác, sự tồn tại của sự vật còn được thể hiện ở quá trình biến đổi: nhanh hay chậm, kế tiếp và chuyển hóa... Những hình thức tồn tại như vậy được gọi là thời gian. Là hình thức tồn tại của vật chất, không gian và thời gian tồn tại khách quan, bị vật chất quy định; trong đó, không gian có ba chiều: chiều cao, chiều rộng, chiều dài; thời gian có một chiều: chiều từ quá khứ đến tương lai.

□ Từ đó ta có thể lí giải được rằng tinh thần, ý thức là thuộc tính của một dạng vật chất sống, có tổ chức cao, là bộ óc con người. Tinh thần, ý thức nằm trong con người, không thể tách rời con người, quá trình hoạt động phản ánh của tinh thần, ý thức là kết quả hoạt động chủ động của con người

- Như Triết học của chủ nghĩa Mac-Lenin khẳng định: ý thức là một phạm trù triết học dùng để chỉ toàn bộ hoạt động tinh thần phản ánh thế giới vật chất diễn ra trong não người, hình thành trong quá trình lĩnh và được diễn đạt nhờ ngôn ngữ. Bản chất của ý thức thể hiện ở sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Ý thức gồm các yếu tố cấu thành như: tình cảm, ý chí, tri thức. Trong đó, **tri thức** là yếu tố quan trọng nhất.

- Như chúng ta đã biết, tri thức (sự hiểu biết về các lĩnh vực của đời sống xã hội) là kết quả của quá trình nhận thức của con người về thế giới hiện thực, tái hiện trong tư duy những thuộc tính, những quy luật của thế giới ấy và diễn đạt chúng bằng ngôn ngữ. Từ đó ta có thể nhận thấy được:

- + Tri thức phương thức tồn tại cơ bản của ý thức và là điều kiện để ý thức phát triển.

- + Mọi biểu hiện của ý thức đều chứa đựng nội dung tri thức

- + Nếu ý thức mà không bao hàm tri thức, không dựa vào tri thức thì sự trừu tượng trông rỗng, không giúp ích thực tiễn gì cho con người

- + Tri thức định hướng sự phát triển và quy định mức độ biểu hiện của các yếu tố khác cấu thành ý thức

- + Mọi hoạt động của con người đều có tri thức, được tri thức định hướng

- Bên cạnh đó, tri thức có nhiều loại (về tự nhiên, xã hội, con người), nhiều cấp độ (Cảm tính, kinh nghiệm, tiền khoa học), tri thức khoa học (lý tính, lý luận, khoa học)... Nên ngày nay, vai trò của tri thức đối với sự phát triển kinh tế xã hội là điều không thể chối cãi được. Tuy nhiên nếu tri thức không có sự đồng hành và hỗ trợ của niềm tin và ý chí thì vai trò đối với đời sống hiện thực cũng

hạn chế hơn rất nhiều nên chúng ta cũng không thể phủ nhận tầm quan trọng các yếu tố còn lại cấu thành ý thức.

6. Nguồn gốc xã hội quyết định sự ra đời của ý thức, giải thích vì sao?(22,23/SGK)

-Ý thức là sự phản ánh thế giới bởi bộ óc con người là sự khác biệt về chất so với động vật. Do sự phản ánh đó mang tính xã hội, sự ra đời của ý thức gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ óc người dưới ảnh hưởng của lao động, của giao tiếp và các quan hệ xã hội.

-Lao động là quá trình con người sử dụng công cụ tác động vào thế giới tự nhiên nhằm thay đổi giới tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người; là quá trình trong đó bản thân con người đóng vai trò môi giới, điều tiết sự trao đổi vật chất giữa mình với giới tự nhiên. Đây cũng là quá trình làm thay đổi cấu trúc cơ thể, đem lại dáng đi thẳng bằng hai chân, giải phóng hai tay, phát triển khí quan, phát triển bộ não, ... của con người. Trong quá trình lao động, con người tác động vào thế giới khách quan làm cho thế giới khách quan bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của nó, biểu hiện thành những hiện tượng nhất định mà con người có thể quan sát được. Những hiện tượng ấy, thông qua hoạt động của các giác quan, tác động vào bộ óc người, thông qua hoạt động của bộ não người, tạo ra khả năng hình thành nên những tri thức nói riêng và ý thức nói chung.

Như vậy, sự ra đời của ý thức chủ yếu do hoạt động cải tạo thế giới khách quan thông qua quá trình lao động.

-Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất chứa đựng thông tin mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ, ý thức không thể tồn tại và thể hiện.

-Sự ra đời của ngôn ngữ gắn liền với lao động. Lao động ngay từ đầu đã mang tính tập thể. Mọi quan hệ giữa các thành viên trong lao động nảy sinh ở họ nhu cầu phải có phương tiện để biểu đạt. Nhu cầu này làm ngôn ngữ nảy sinh và phát triển ngay trong quá trình lao động. Nhờ ngôn ngữ con người đã không chỉ giao tiếp, trao đổi mà còn khái quát, tổng kết đúc kết thực tiễn, truyền đạt kinh nghiệm, truyền đạt tư tưởng từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Như vậy, nguồn gốc trực tiếp quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động. Sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ, đó là hai chất kích thích chủ yếu làm cho bộ óc vượt dần dần chuyển hóa thành bộ óc người, khiến cho tâm lý động vật dần chuyển hóa thành ý thức.

7. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu của nguyên tắc tôn trọng khách quan và phát huy tính năng động chủ quan (mối qh vật chất và ý thức (24/SGK) + sơ lược khái niệm vật chất (20/SGK) và ý thức (22/SGK)) . Vận dụng (vào hđ thực tiễn của bản thân em)

Phân tích cơ sở lý luận của nguyên tắc tôn trọng khách quan (vai trò vật chất với ý thức)

Thứ nhất vật chất có vai trò quyết định đối với ý thức

** Vật chất quyết định nguồn gốc của ý thức*

Vật chất là cội nguồn sản sinh ra ý thức vì ý thức xuất hiện gắn liền với sự xuất hiện của con người, mà con người là kết quả của một quá trình tiến hóa lâu dài, phức tạp của giới tự nhiên,

của thế giới vật chất. Con người do giới tự nhiên, vật chất sinh ra cho nên ý thức - một thuộc tính của bộ phận con người - cũng do giới tự nhiên, vật chất sinh ra. Các thành tựu của khoa học tự nhiên hiện đại đã chứng minh được rằng giới tự nhiên có trước, con người, vật chất là cái có trước còn ý thức là cái có sau. Vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức là nguồn gốc sinh ra ý thức. Bộ óc con người là một dạng vật chất có tổ chức cao nhất, là cơ quan phản ánh ảnh hưởng hình thành ý thức. Sự tác động của thế giới khách quan vào não người tạo thành nguồn gốc tự nhiên của ý thức. Lao động trong hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất của cải vật chất và ngôn ngữ cùng nguồn gốc tự nhiên quyết định sự hình thành, tồn tại và phát triển của ý thức.

** Vật chất quyết định nội dung của ý thức*

Ý thức dù dưới bất kỳ hình thức nào suy cho cùng đều là phản ánh hiện thực khách quan. Thế giới hiện thực vận động, phát triển theo những quy luật khách quan của nó được phản ánh vào ý thức mới có nội dung của ý thức. Thế giới khách quan mà trước hết chủ yếu là hoạt động thực tiễn có tính xã hội - lịch sử của loài người là yếu tố quyết định nội dung mà ý thức phản ánh. Sự phát triển của hoạt động thực tiễn là động lực quyết định tính phong phú của nội dung ý thức.

** Vật chất quyết định bản chất của ý thức*

Thực tiễn là hoạt động vật chất có tính cải biến thế giới của con người, là cơ sở để hình thành phát triển ý thức. Trong đó ý thức của con người vừa phản ánh vừa sáng tạo, phản ánh để sáng tạo và sáng tạo trong phản ánh.

** Vật chất quyết định sự vận động, phát triển của ý thức*

Mọi sự tồn tại phát triển của ý thức đều gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của giới tự nhiên, của vật chất. Vật chất thay đổi thì ý thức cũng phải thay đổi theo. Con người - một sinh vật có tính xã hội ngày càng phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần thì dĩ nhiên ý thức - một hình thức phản ánh của óc người cũng phát triển cả về nội dung và hình thức phản ánh của nó. Đời sống xã hội ngày càng văn minh và khoa học ngày càng phát triển đã chứng minh điều đó. Trong đời sống xã hội, sự phát triển của kinh tế sẽ đến cùng quy định sự phát triển của văn hóa, đời sống vật chất thay đổi thì đời sống tinh thần cũng thay đổi theo.

Thứ hai, ý thức độc lập tương đối và tác động trở lại vật chất.

x Ý thức có tính độc lập tương đối

Ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất vào trong đầu óc con người, là do vật chất sinh ra, nhưng khi đã ra đời thì ý thức có “đời sống” riêng, có quy luật vận động phát triển riêng, không lệ thuộc một cách máy móc vào vật chất. Ý thức một khi ra đời thì có tính độc lập tương đối tác động trở lại thế giới vật chất. Ý thức có thể thay đổi nhanh hơn, chậm hơn hay song hành so với hiện thực nhưng nhìn chung thường thay đổi chậm so với sự biến đổi của thế giới vật chất.

x Ý thức tác động với vật chất phải thông qua hoạt động thực tiễn của con người

Nhờ có hoạt động thực tiễn ý thức có thể làm biến đổi những điều kiện hoàn cảnh vật chất, thậm chí còn tạo ra “thiên nhiên thứ hai” phục vụ cho cuộc sống của con người. Còn tự bản thân ý thức thì không thể nào biến đổi được hiện thực con người. Dựa trên những tri thức về thế giới

khách quan, hiểu biết những quy luật khách quan, từ đó con người đề ra mục tiêu, phương hướng, biện pháp và ý chí quyết tâm để thực hiện thắng lợi mục tiêu đã xác định. Đặc biệt là ý thức tiến bộ cách mạng một khi thâm nhập vào quần chúng nhân dân - lực lượng vật chất, xã hội thì có vai trò rất to lớn.

r Ý thức chỉ đạo hoạt động, hành động của con người

Nó quyết định ảnh hưởng cho hoạt động con người đúng hay sai, thành công hay thất bại. Ý thức có mối quan hệ cùng chiều với sự phát triển, khi phản ánh đúng hiện thực, ý thức có thể dự báo, tiên đoán một cách chính xác cho hiện thực, có thể hình thành nên những lý luận, định hướng đúng đắn và những lý luận này được đưa vào quần chúng sẽ góp phần động viên, cổ vũ, khai thác tiềm năng sáng tạo, từ đó sức mạnh vật chất được nhân lên gấp bội. Ngược lại ý thức có thể tác động tiêu cực khi nó phản ánh sai, là xuyên tạc hiện thực khách quan, ý thức lạc hậu, phản khoa học...

r Xã hội ngày càng phát triển thì vai trò của ý thức ngày càng to lớn

Nhất là trong thời đại ngày nay - thời đại thông tin, kinh tế tri thức, thời đại của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, khi mà tri thức khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và vai trò của tri thức khoa học, của tư tưởng chính trị, tư tưởng nhân văn là hết sức quan trọng.

Kết luận : Sự tác động của ý thức trở lại vật chất cũng chỉ với mức độ nhất định, nó không thể sinh ra hay phá vỡ các quy luật vận động của vật chất. Ý thức không thể vượt quá những tiền đề vật chất đã xác định, phải dựa trên những điều kiện khách quan, năng lực chủ quan của chủ thể để hoạt động. Nếu bỏ qua điều này thì con người sẽ rơi vào chủ nghĩa chủ quan, duy tâm và không tránh khỏi thất bại trong hoạt động thực tiễn.

Vận dụng nguyên tắc tôn trọng khách quan

- Sinh viên phải trung thực trong các kỳ kiểm tra thường xuyên, thi hết môn. Sinh viên phải tích cực ôn luyện và làm bài bằng kiến thức của mình. Không nên có hành vi quay cóp bài của bạn. Vì dù điểm cao đó cũng không phải là số điểm mà bản thân đạt được, không phản ánh đúng lượng kiến thức bạn có

- Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của nhà trường vì nội quy dành cho sinh viên trong nhà trường là tiêu chuẩn đánh giá về tác phong, đạo đức. Mỗi người sinh viên không nên có tư tưởng cá nhân là nội quy nhà trường rườm rà, làm ảnh hưởng đến việc học tập, đến thời gian cá nhân mà không thực hiện theo thì sẽ dẫn đến hậu quả không tốt, làm ảnh hưởng đến nề nếp kỉ cương của thể hệ.

8. Các hình thức của phép biện chứng, tại sao nói phép biện chứng duy vật là hình thức cao nhất của phép biện chứng (9,26/SGK)

(đừng nhầm với các hình thức của chủ nghĩa duy vật)

-3 hình thức cơ bản của phép biện chứng: phép biện chứng cổ đại, phép biện chứng duy tâm cổ điển Đức và phép biện chứng duy vật

-Khắc phục được những hạn chế của 2 phép biện chứng trước

-Phép biện chứng thời cổ đại là phép biện chứng tự phát, ngẫu thời và mang nặng tính trực quan được hình thành trên cơ sở quan sát tự nhiên, xã hội hoặc thông qua kinh nghiệm của bản thân. Ba trung tâm triết học lớn nhất thời bấy giờ là: Triết học Trung Hoa cổ đại, triết học Ấn Độ cổ đại và triết học Hy Lạp cổ đại. Bên cạnh những đặc điểm chung, do đặc điểm văn hoá cũng như hoàn cảnh lịch sử khác nhau nên sự thể hiện tư tưởng biện chứng trong học thuyết triết học mỗi trung tâm đều có những đặc điểm riêng không giống nhau

-Như Lênin đã từng đánh giá: Dù có sự thần bí hoá duy tâm, nhưng phép biện chứng cổ điển Đức đã đặt ra sự thống nhất giữa phép biện chứng và logic học và lý luận nhận thức. Trong các nền triết học trước C. Mác thì triết học cổ điển Đức có trình độ khái quát hoá và trừu tượng hoá cao với kết cấu hệ thống chặt chẽ, logic. Đây là tiến bộ của nền triết học Đức so với các nền triết học khác. Nền triết học cổ điển Đức bắt đầu từ Kant, đạt đỉnh cao ở Hegel sau đó suy tàn ở triết học Phoiơbắc

-Trong khi hệ thống triết học của Hegel chứa đựng những tư tưởng biện chứng sâu sắc thì cách trình bày của ông lại mang tính duy tâm bảo thủ, thể hiện ở: Sự vận động của xã hội là do sự vận động của tư duy (ý niệm tuyệt đối) sinh ra. Do đó mà C.Mác gọi phép biện chứng của Hegel là: "Phép biện chứng đi lộn đầu xuống đất". Vì vậy, cần phải đặt nó đứng bằng hai chân trên mảnh đất hiện thực, nghĩa là trên quan điểm duy vật

-Phép biện chứng duy vật là bước nhảy mới về chất trong lĩnh vực nhận thức; khắc phục được những hạn chế của phép biện chứng cổ đại, đẩy lùi phép siêu hình, cải tạo phép biện chứng duy tâm và trở thành phương pháp luận chung nhất của hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn

9. Phân tích cơ sở lý luận và yêu cầu của nguyên tắc toàn diện (nguyên lý về mối liên hệ phổ biến) ? Vận dụng (hể nhận thức bản thân em hay công cuộc đổi mới..?) (27,28/SGLK)

- Đối với sinh viên việc học có lẽ là ưu tiên hàng đầu. Để đạt được hiệu quả trong học tập sinh viên cần có phương pháp học thích hợp và phải biết linh hoạt trong việc tiếp cận và tiếp thu kiến thức từ giảng viên cũng như từ các nguồn tài liệu. Về phương pháp học mỗi sinh viên sẽ có một phương pháp học khác nhau. Vì vậy, để tìm được phương pháp học phù hợp việc vận dụng nguyên tắc toàn diện là vô cùng quan trọng. Cụ thể là khi áp dụng nguyên tắc toàn diện ta sẽ đặt việc học vào các mối liên hệ như: học gì, học như thế nào, khi nào học, ... và khi rút ra được mối liên hệ giữa chúng, ta sẽ có được một hệ thống kiến thức, phương pháp học thích hợp. Về việc tiếp cận và tiếp thu kiến thức sinh viên không nên quá rập khuôn đối với những gì được truyền đạt từ giảng viên hay đọc trên sách vở, rập khuôn ở đây không phải nói những trí thức nhận được từ giảng viên hay sách vở là sai mà nó có nghĩa là sinh viên không nên quá tuyệt đối hóa những trí thức đó mà không bổ sung, không phát triển. Ví dụ: khi ta học môn hóa có kiến thức mà trong môn học chỉ nói khái quát, chung chung nhưng khi ta học môn khác chẳng hạn môn sinh thì những vấn đề đó sẽ được nói cụ thể hơn và lúc đó chúng ta cần phải tìm hiểu vấn đề đó để hiểu rõ, sâu sắc hơn và phải tiếp thu những quan điểm khác nhau để so sánh. Và như ta đã biết thì "học đi đôi với hành" do vậy ta còn phải áp dụng những kiến thức đó vào thực tế để biết chúng đã đúng chưa hay vẫn còn phát sinh những vấn đề khác

- Đối với cuộc sống hằng ngày thì nguyên tắc toàn diện cũng rất quan trọng đối với tất cả mọi người. Ví dụ: khi kết bạn một số người đưa ra lựa chọn kết bạn và đánh giá người khác dựa trên

về bề ngoài tuy nhiên quan điểm này sẽ hoàn toàn sai nếu bạn đang tìm kiếm những người bạn tốt, vì ngoại hình và tính cách là hai mặt khác nhau của một con người nên việc đánh giá một người qua vẻ bề ngoài là hành động phiến diện và dẫn đến những sai lầm khi chọn bạn. Vì đôi khi những người có vẻ bề ngoài đẹp đẽ chỉ gây cho ta ấn tượng tốt ban đầu nhưng sau khi tiếp xúc thì bản chất thực sự của họ sẽ làm cho ta phải ngã ngửa. Vì vậy, việc đánh giá một người là cả một quá trình dài và ta phải áp dụng nguyên tắc toàn diện để có cái nhìn tổng quát, đa chiều về một người và từ đó mới có thể đưa ra đánh giá một cách chính xác nhất tránh sai lầm khi chỉ nhìn nhận một cách phiến diện, một chiều

10. Phân tích CSLL và yêu cầu của nguyên tắc lịch sử cụ thể (Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và sơ lược nguyên lý về sự phát triển)? Vận dụng? (27,28,29/SGK)

11. Phân tích CSLL và yêu cầu của nguyên tắc phát triển (nguyên lý về sự phát triển)? Vận dụng? (28.29/SGK)

12. Phân tích CSLL và yêu cầu của quan điểm phải biết tuân theo quy luật và nắm bắt cơ hội (Phạm trù tất nhiên, ngẫu nhiên) ? Vận dụng (32/SGK)

13. Phân tích cách thức vận động và phát triển của các sự vật hiện tượng trong thế giới. Vận dụng

-Nguyên lí về sự phát triển (28/SGK)

-Quy luật lượng- chất (36,37,38/SGK)

14. Phân tích nguồn gốc động lực của sự vận động và phát triển. Vận dụng? (Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập) (38,39,40/SGK)

-Khái niệm phát triển (28/SGK)

-Khái niệm mâu thuẫn, các mặt đối lập, sự thống nhất các mặt đối lập, đấu tranh (38,39/SGK)

**Mâu thuẫn là nguồn gốc của sự vận động và phát triển:*

-Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là 2 xu hướng tác động khác nhau của các mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn. Như vậy, mâu thuẫn biện chứng cũng bao hàm cả "sự thống nhất" lẫn "đấu tranh" của các mặt đối lập. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập không tách rời nhau, trong quá trình vận động, phát triển của sự vật. Giữa các mặt đối lập có sự thống nhất: Thống nhất giữa các mặt đối lập là khái niệm dùng để chỉ sự liên hệ giữa các mặt đối lập. Hai mặt đối lập tạo thành mâu thuẫn biện chứng tồn tại trong sự thống nhất với nhau. Sự thống nhất của các mặt đối lập là sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau giữa các mặt đối lập, sự tồn tại của mặt này phải lấy sự tồn tại của mặt kia làm tiền đề. Các mặt đối lập tồn tại không tách rời nhau nên giữa chúng bao giờ cũng có những nhân tố giống nhau, gọi là sự "đồng nhất" của các mặt đối lập. Với ý nghĩa đó, "sự thống nhất của các mặt đối lập" còn bao hàm cả sự "đồng nhất" của các mặt đó.

- Thứ hai, các mặt đối lập không chỉ thống nhất, mà còn luôn "đấu tranh" với nhau. Đấu tranh của các mặt đối lập là sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó. Hình thức đấu tranh của các mặt đối lập hết sức phong phú, đa dạng, tùy thuộc vào tính chất,

vào mối liên hệ qua lại giữa các mặt đối lập và tùy điều kiện cụ thể diễn ra cuộc đấu tranh giữa chúng. Mối quan hệ giữa sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập thể hiện ở chỗ trong một mâu thuẫn, sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập không tách rời nhau. Không có sự thống nhất sẽ không có đấu tranh, thống nhất là tiền đề của đấu tranh, còn đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển

- Thứ ba, quá trình thống nhất và mâu thuẫn giữa các mặt đối lập sẽ tất yếu dẫn đến sự chuyển hóa giữa chúng. Do sự đa dạng của thế giới nên hình thức chuyển hóa cũng rất đa dạng: có thể hai mặt đối lập chuyển hóa lẫn nhau, cũng có thể cả hai chuyển thành những chất mới. Sự chuyển hóa của các mặt đối lập phải có những điều kiện nhất định

□ Tóm lại, trong sự vật mới lại có mâu thuẫn mới, các mặt đối lập trong mâu thuẫn mới lại đấu tranh với nhau, làm cho sự vật ấy lại chuyển hoá thành sự vật khác tiến bộ hơn, cứ như vậy mà các sự vật hiện tượng thường xuyên biến đổi và phát triển không ngừng, vì vậy, mâu thuẫn là nguồn gốc động lực của mọi quá trình vận động phát triển của sự vật hiện tượng

Tuy nhiên, mâu thuẫn mới chỉ là nguồn gốc và động lực cơ bản của sự phát triển của sự vật, hiện tượng, còn động lực trực tiếp đó là quá trình hình thành, phát triển và giải quyết mâu thuẫn

- Điều này có nghĩa là mâu thuẫn tự nó không phải động lực của sự phát triển, việc con người can thiệp vào mâu thuẫn, tìm cách giải quyết nó mới là cái có ý nghĩa thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển. Mâu thuẫn nói chung chỉ là nguồn gốc của sự phát triển, vì nó giải thích nguyên nhân tận gốc của sự vận động. Còn động lực của sự phát triển chỉ có thể là việc giải quyết mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn vận động đến một giai đoạn nhất định, xung lực của các mặt đối lập đạt đến trình độ “chín muồi”, lúc đó mâu thuẫn mới có đủ điều kiện để được giải quyết

- Giải quyết mâu thuẫn, thậm chí giải quyết mâu thuẫn theo đúng tinh thần của quy luật, nghĩa là được giải quyết kịp thời, triệt để, không khoan nhượng, mặt tích cực, đại diện cho sự tiến bộ thắng thế... khi đó mâu thuẫn mới đóng vai trò là nguồn gốc của sự phát triển. Nếu không được giải quyết kịp thời, hay giải quyết mâu thuẫn để cho mặt tiêu cực thắng thế, sẽ gây thêm những hậu quả và hệ lụy cho sự vận động và phát triển của sự vật

- Lúc đầu mâu thuẫn mới xuất hiện mâu thuẫn chỉ là sự khác nhau căn bản, nhưng theo khuynh hướng trái ngược nhau - càng ngày càng phát triển đi đến đối lập - hai mặt đối lập xung đột gay gắt đã đủ điều kiện - chúng sẽ chuyển hoá lẫn nhau, mâu thuẫn được giải quyết. Nhờ đó thể thống nhất cũ được thay thế bằng thể thống nhất mới; sự vật cũ mất đi sự vật mới ra đời thay thế.

□ Tóm lại, với tư cách là hai trạng thái đối lập trong mối quan hệ qua lại giữa hai mặt đối lập, sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập có quan hệ chặt chẽ với nhau. Sự thống nhất có tính tương đối, tạm thời. Tạm thời, nghĩa là nó tồn tại trong trạng thái đứng yên tương đối của các sự vật hiện tượng. Còn sự đấu tranh của mối quan hệ có tính tuyệt đối, nó phá vỡ sự ổn định dẫn đến sự chuyển hoá về chất của các mặt đối lập gắn liền với sự tự thân vận động, tự thân phát triển diễn ra không ngừng của các sự vật và hiện tượng trong thế giới vật chất

Kết luận: Chính sự đấu tranh của các mặt đối lập dẫn đến sự chuyển hóa của các mặt đối lập (giải quyết mâu thuẫn) là nguồn gốc, động lực của sự vận động, phát triển. Nếu mâu thuẫn không được giải quyết (các mặt đối lập không chuyển hóa) thì không có sự phát triển. Theo Hồ Chí

Minh thì: “ Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc của mâu thuẫn là vấn đề gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu các mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết ”

Vận dụng: tôn trọng mâu thuẫn, không sợ mâu thuẫn, vận dụng mâu thuẫn để đổi mới sáng tạo

Khi em không hiểu một bài giảng hoặc không làm được một bài tập, cần phải tự tìm tòi, nghiên cứu từ các nguồn khác nhau như sách, mạng, các diễn đàn học vấn, học hỏi và tiếp thu từ các giảng viên, các đàn anh, đàn chị hoặc cảnhững bạn học sinh cùng khóa. Bên cạnh đó, cũng không nên ngại việc học lại, học thêm, học bổ sung để củng cố và trau dồi thêm kiến thức của mình. Đồng thời, song song với quá trình trau dồi tri thức, em cũng cần phải biết chia sẻ kiến thức của mình cho những người cần chúng. Chia sẻ và học hỏi là cách tốt nhất để giải quyết các mâu thuẫn gặp phải đối với sự học của một sinh viên

Mỗi khi tiếp thu tri thức mới, người học cũng cần có ý thức tìm ra mâu thuẫn trong chính tri thức đó, để từ đó có thể mở rộng và phát triển, đào sâu hơn về lĩnh vực mình đang nghiên cứu.

15. Phân tích khuynh hướng (con đường) của sự vận động phát triển? Vận dụng? (Quy luật phủ định của phủ định) (41,42, 131,132/SGK)

16. Vai trò thực tiễn đối với nhận thức/ Người ta trích 1 câu nói của Lê nin về ... (43-49/SGK)

17. Phân tích tính chất chân lý. Vì sao nói chân lý tuyệt đối là tổng số vô hạn của các chân lý tương đối (49/SGK)

- Chân lý là tri thức chứ không phải bản thân hiện thực khách quan, nhưng tri thức đó phải phản ánh đúng hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng. Cho nên, theo nghĩa đúng của từ này, chân lý bao giờ cũng là khách quan vì nội dung phản ánh của nó là khách quan, là phù hợp với khách thể của nhận thức. V.I. Lênin nhấn mạnh; “Thừa nhận chân lý khách quan, tức là chân lý không phụ thuộc vào con người và loài người” chỉ phụ thuộc vào thực tại khách quan, không phụ thuộc vào tính đơn giản hay tính chặt chẽ của lôgic, không phụ thuộc vào lợi ích hay sự quy ước, v.v.. V.I. Lênin cũng khẳng định “là người duy vật, có nghĩa là thừa nhận chân lý khách quan”.

-Tính khách quan của chân lý là chỉ tính độc lập về nội dung phản ánh của nó đối với ý chí chủ quan của con người; nội dung của tri thức phải phù hợp với thực tế khách quan chứ không phải ngược lại. Điều đó có nghĩa là nội dung của những tri thức đúng đắn không phải là sản phẩm thuần túy chủ quan, không phải là sự xác lập tùy tiện của con người hoặc có sẵn trong nhận thức; trái lại, nội dung đó thuộc về thế giới khách quan, do thế giới khách quan qui định.

Khẳng định chân lý có tính khách quan là một trong những điểm cơ bản phân biệt quan niệm về chân lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng với chủ nghĩa duy tâm và thuyết bất khả tri – là những học thuyết phủ nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất và phủ nhận khả năng con người nhận thức được thế giới đó.

Ví dụ, sự phù hợp giữa quan niệm “không phải mặt trời xoay quanh trái đất mà là ngược lại, trái đất xoay quanh mặt trời” là phù hợp với thực tế khách quan. Nó không phụ thuộc vào quan niệm truyền thống đã từng có từ trước. Mang đến các kiến thức đúng đắn, được chứng minh bằng các hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Tính tuyệt đối của chân lý là chỉ tính phù hợp hoàn toàn và đầy đủ giữa nội dung phản ánh của tri thức với hiện thực khách quan. Về nguyên tắc, chúng ta có thể đạt đến chân lý tuyệt đối. Bởi vì, trong thế giới khách quan không tồn tại một sự vật, hiện tượng nào mà con người hoàn toàn không thể nhận thức được. Khả năng đó trong quá trình phát triển là vô hạn. Song, khả năng đó lại bị hạn chế bởi những điều kiện cụ thể của từng thế hệ khác nhau, của từng thực tiễn cụ thể và bởi điều kiện xác định về không gian và thời gian của đối tượng được phản ánh. Do đó chân lý có tính tương đối.

- Tính tương đối của chân lý là tính phù hợp nhưng chưa hoàn toàn đầy đủ giữa nội dung phản ánh của tri thức đã đạt được với hiện thực khách quan mà nó phản ánh. Điều đó có nghĩa là giữa nội dung của chân lý với khách thể được phản ánh chỉ đạt được sự phù hợp từng phần, từng bộ phận, ở một số mặt, một số khía cạnh nào đó trong những điều kiện nhất định.

Ví dụ:

+ Tính tuyệt đối của chân lý: Trong mặt phẳng có độ cong bằng không thì tổng các góc trong tam giác tuyệt đối bằng hai góc vuông

+ Tính tương đối của chân lý: Nếu điều kiện thay đổi độ cong khác không thì định lý đó không còn đúng nữa.

Chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối không tồn tại tách rời nhau mà có sự thống nhất biện chứng với nhau. Một mặt, chân lý tuyệt đối là tổng số của các chân lý tương đối. Mặt khác, trong mỗi chân lý mang tính tương đối bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố của tính tuyệt đối. Lênin viết: “Chân lý tuyệt đối được cấu thành từ tổng số những chân lý tương đối đang phát triển; chân lý tương đối là những phản ánh tương đối đúng của một khách thể tồn tại độc lập với nhân loại; những phản ánh ấy ngày càng trở nên chính xác hơn; mỗi chân lý khoa học, dù có tính tương đối, vẫn chứa đựng một yếu tố của chân lý tuyệt đối”. Nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý có một ý nghĩa quan trọng trong việc phê phán và khắc phục những sai lầm cực đoan trong nhận thức và hành động. Nếu cường điệu tính tuyệt đối của chân lý hạ thấp tính tương đối của nó sẽ rơi vào quan điểm siêu hình, chủ nghĩa giáo điều, bệnh bảo thủ, trì trệ. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa tính tương đối của chân lý, hạ thấp vai trò của tính tuyệt đối sẽ rơi vào chủ nghĩa tương đối. Từ đó dẫn đến chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa xét lại, thuật nguy hiểm, thuyết hoài nghi và thuyết bất khả tri.

- Tính cụ thể của chân lý là đặc tính gắn liền và phù hợp giữa nội dung phản ánh với một đối tượng nhất định cùng các điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Điều đó có nghĩa là mỗi tri thức đúng đắn bao giờ cũng có một nội dung cụ thể xác định. Nội dung đó không phải là sự trừu tượng thuần túy thoát ly hiện thực mà nó luôn luôn gắn liền với một đối tượng xác định, diễn ra trong một không gian, thời gian hay một hoàn cảnh nào đó, trong một mối liên hệ, quan hệ cụ thể. Vì vậy, bất kỳ chân lý nào cũng gắn liền với những điều kiện lịch sử cụ thể. Nếu thoát ly

những điều kiện cụ thể thì những tri thức được hình thành trong quá trình nhận thức sẽ rơi vào sự trừu tượng thuần túy. Vì thế nó không phải là những tri thức đúng đắn và không được coi là chân lý. Khi nhấn mạnh đặc tính này, Lênin đã khẳng định: “không có chân lý trừu tượng”, “chân lý luôn luôn là cụ thể”.

Ví dụ, mọi nhà khoa học khi phát biểu định lý đều kèm theo các điều kiện xác định nhằm đảm bảo tính chính xác của nó: “Trong giới hạn của mặt phẳng, tổng các góc trong của một tam giác là 2 vuông; nước sôi ở 100°C với điều kiện nước nguyên chất và áp suất 1 atm, ...”. Do đó tùy thuộc vào các điều kiện cố định mà hệ quả mới tồn tại.

Việc nắm vững nguyên tắc về tính cụ thể của chân lý có một ý nghĩa phương pháp luận quan trọng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nó đòi hỏi khi xem xét, đánh giá mỗi sự kiện, mỗi việc làm của con người phải dựa trên quan điểm lịch sử – cụ thể; phải xuất phát từ những điều kiện lịch sử cụ thể mà vận dụng những lý luận chung cho phù hợp. Theo Lênin: bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác là phân tích cụ thể mỗi tình hình cụ thể; rằng phương pháp của Mác trước hết là xem xét nội dung khách quan của quá trình lịch sử trong một thời điểm cụ thể nhất định.

-Chân lý tương đối là chân lý chưa phản ánh được đầy đủ đối với thực tại khách quan; Tức là chỉ nhìn nhận ở một đặc điểm, khía cạnh trong bản chất vấn đề.

- Chân lý tuyệt đối là chân lý phản ánh được đầy đủ đối với thực tại khách quan. Từ đó cho ta nhìn nhận bao quát, khái quát đối tượng. Chân lý tuyệt đối là sự tổng hợp vô tận những chân lý tương đối. Không một tri thức cụ thể nào của con người có thể xem là chân lý tuyệt đối mà chỉ là một phần rất nhỏ của chân lý tuyệt đối.

Ví dụ, hai khẳng định sau đây đều là chân lý, nhưng chỉ là chân lý tương đối: (1) Bản chất của ánh sáng có đặc tính sóng; (2) Bản chất của ánh sáng có đặc tính hạt.

Trên cơ sở hai chân lý đó có thể tiến tới một khẳng định đầy đủ hơn: ánh sáng mang bản chất lưỡng tính là sóng và hạt. Từ đó thấy được các khía cạnh đầy đủ của bản chất ánh sáng.

* Chân lý tuyệt đối là tổng số vô hạn của các chân lý tương đối vì:

-Thế giới là một chỉnh thể thống nhất, phong phú và đa dạng. Mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều có những thuộc tính, quy luật, quan hệ riêng biệt, nhưng chúng đều thống nhất với nhau trong một thể thống nhất. Do đó, để phản ánh đúng bản chất của sự vật, hiện tượng, chúng ta cần phải có tri thức về tất cả các khía cạnh, các mối liên hệ của sự vật, hiện tượng đó.

-Tri thức của con người về thế giới là luôn luôn phát triển. Mỗi giai đoạn phát triển của khoa học, chúng ta lại có những hiểu biết mới về thế giới. Những tri thức mới này thường là sự bổ sung, phát triển, hoàn thiện cho những tri thức cũ. Do đó, chân lý tuyệt đối của chúng ta cũng là sự tổng hợp của vô hạn các chân lý tương đối.

Ví dụ, chân lý tuyệt đối về bản chất của nước là H_2O . Tuy nhiên, để hiểu được bản chất này, chúng ta cần phải có tri thức về cấu tạo nguyên tử của nước, về các tính chất vật lý, hóa học của nước, ... Các tri thức này đều là những chân lý tương đối, nhưng chúng bổ sung cho nhau để hình thành nên chân lý tuyệt đối về bản chất của nước.

□ Tóm lại, chân lý tuyệt đối là tổng số vô hạn của các chân lý tương đối vì thế giới là một chỉnh thể thống nhất, phong phú và đa dạng, và tri thức của con người về thế giới là luôn luôn phát triển.

18. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại phát triển xã hội (55,136/SGK)

Ví dụ, trong xã hội nguyên thủy, khi sản xuất vật chất phát triển từ săn bắt, hái lượm sang trồng trọt, chăn nuôi thì đã dẫn đến sự hình thành của các công xã thị tộc, bộ lạc. Khi sản xuất vật chất phát triển từ nông nghiệp sang công nghiệp thì đã dẫn đến sự hình thành của các xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội xã hội chủ nghĩa

19. Phương thức sản xuất và vai trò của nó (55,137/SGK)

Ví dụ, trong xã hội nguyên thủy, phương thức sản xuất dựa trên nền tảng kinh tế tự nhiên, với công cụ lao động thô sơ, trình độ phân công lao động thấp. Phương thức sản xuất này đã quyết định tính chất cộng sản nguyên thủy của xã hội. Khi phương thức sản xuất phát triển, công cụ lao động được cải tiến, trình độ phân công lao động tăng lên thì đã dẫn đến sự hình thành của các xã hội có giai cấp.

20. Phân tích kết cấu của lực lượng sản xuất, tại sao nói trong thời đại ngày nay khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp (Quan trọng) (56,57/SGK)

Trong thời đại ngày nay, khoa học đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, có vai trò quyết định đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Điều này được thể hiện ở những điểm sau:

-Khoa học đã trở thành nguồn gốc của những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật. Nhờ khoa học, con người đã phát minh ra những công nghệ mới, hiện đại, giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất.

-Khoa học đã trở thành nhân tố quyết định sự ra đời của các ngành sản xuất mới. Nhờ khoa học, con người đã khám phá ra những nguồn tài nguyên mới, tạo ra những ngành sản xuất mới, góp phần mở rộng quy mô sản xuất.

-Khoa học đã trở thành yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhờ khoa học, con người được trang bị những kiến thức, kỹ năng mới, đáp ứng yêu cầu của sản xuất hiện đại.

Ví dụ, trong lĩnh vực sản xuất ô tô, khoa học đã phát minh ra những công nghệ mới như công nghệ sản xuất ô tô tự lái, công nghệ sản xuất ô tô điện,... đã giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất ô tô. Nhờ khoa học, ngành sản xuất ô tô đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

21. Nội dung quy luật cơ bản phổ biến nhất chi phối sự vận động phát triển xã hội. Ý nghĩa phương pháp luận (ko search chat gpt) (Quy luật quan hệ sự phát triển với trình độ lực lượng sản xuất) (58/SGK)

-Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của phương thức sản xuất, chúng tồn tại không tách rời nhau, tác động qua lại lẫn nhau một cách biện chứng, tạo thành quy luật sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất – quy luật cơ bản nhất của sự vận động, phát triển xã hội.

-Khuy nh hướng chung của sản xuất vật chất là không ngừng phát triển. Sự phát triển đó xét đến cùng là bắt nguồn từ sự biến đổi và phát triển của lực lượng sản xuất, trước hết là công cụ lao động.

-Trình độ lực lượng sản xuất trong từng giai đoạn lịch sử thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong giai đoạn lịch sử đó. Trình độ lực lượng sản xuất biểu hiện ở trình độ của công cụ lao động, trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng lao động của con người, trình độ tổ chức và phân công lao động xã hội, trình độ ứng dụng khoa học vào sản xuất.

-Gắn liền với trình độ lực lượng sản xuất là tính chất của lực lượng sản xuất. Trong lịch sử xã hội, lực lượng sản xuất đã phát triển từ chỗ có tính chất cá nhân lên tính chất xã hội hóa. Khi sản xuất dựa trên công cụ thủ công, phân công lao động kém phát triển thì lực lượng sản xuất chủ yếu có tính chất cá nhân. Khi sản xuất đạt đến trình độ cơ khí, hiện đại, phân công lao động xã hội phát triển thì lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa.

-Sự vận động, phát triển quá trình sản xuất quyết định và làm thay đổi quan hệ sản xuất cho phù hợp với nó. Khi một phương thức sản xuất mới ra đời, khi đó quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là một trạng thái mà trong đó quan hệ sản xuất là hình thức phát triển của lực lượng sản xuất.

-Trong trạng thái đó, tất cả các mặt của quan hệ sản xuất đều tạo địa bàn đầy đủ cho lực lượng sản xuất phát triển. Điều đó có nghĩa là, nó tạo điều kiện sử dụng và kết hợp một cách tối ưu giữa người lao động và tư liệu sản xuất và do đó lực lượng sản xuất có cơ sở để phát triển hết khả năng của nó.

-Sự phát triển của lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định làm cho quan hệ sản xuất từ chỗ phù hợp trở nên không phù hợp. Khi đó quan hệ sản xuất trở thành “xiềng xích” của lực lượng sản xuất, kiềm hãm lực lượng sản xuất phát triển.

-Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, nhưng quan hệ sản xuất cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất quy định mục đích sản xuất, tác động đến thái độ con người trong lao động sản xuất, đến tổ chức phân công lao động xã hội, đến phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ,... và do đó tác động đến sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất là động lực thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

-Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật phổ biến tác Động trong toàn bộ quá trình lịch sử nhân loại. Sự thay thế phát triển của lịch sử nhân loại từ chế độ công xã nguyên thủy, qua chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa và đến xã hội cộng sản tương lai là do sự tác động của hệ thống các quy luật xã

hội, trong đó quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật cơ bản nhất.

22. Quy luật phản ánh kinh tế và chính trị. Ý nghĩa phương pháp luận (QL về mối liên hệ biên chứng giữa CSHT và KTTT) (58,59/SGK)

23. Vì sao nói sự phát triển các hình thái xã hội là 1 quá trình lịch sử tự nhiên. Ý nghĩa với Việt Nam. Ý nghĩa phương pháp luận của hình thái xã hội (61,62,143/SGK)

Ý nghĩa của sự phát triển các hình thái xã hội đối với Việt Nam được thể hiện ở những điểm sau:

-Giúp chúng ta hiểu rõ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam. Lịch sử Việt Nam là một bộ phận của lịch sử thế giới, do đó sự phát triển của các hình thái xã hội ở Việt Nam cũng tuân theo những quy luật chung của sự phát triển các hình thái xã hội. Việc hiểu rõ quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam sẽ giúp chúng ta có cái nhìn tổng quan, toàn diện về lịch sử nước nhà.

-Giúp chúng ta nhận thức đúng đắn về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội là hình thái kinh tế - xã hội cao nhất, là mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Việc nhận thức đúng đắn về sự phát triển của các hình thái xã hội sẽ giúp chúng ta có cái nhìn khoa học, đúng đắn về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Ý nghĩa phương pháp luận của hình thái xã hội được thể hiện ở những điểm sau:

-Phải nhận thức đúng đắn tính khách quan của sự phát triển xã hội. Sự phát triển xã hội là quá trình diễn ra khách quan, do đó cần phải nhận thức đúng đắn tính khách quan của sự phát triển xã hội để có cách ứng xử phù hợp.

-Phải biết vận dụng quy luật phát triển của các hình thái xã hội vào thực tiễn. Quy luật phát triển của các hình thái xã hội là quy luật khách quan, do đó cần phải biết vận dụng quy luật này vào thực tiễn để thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Ví dụ, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, chúng ta cần phải nhận thức đúng đắn tính khách quan của sự phát triển xã hội, đồng thời vận dụng quy luật phát triển của các hình thái xã hội để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

24. Tại sao nói đấu tranh giai cấp là 1 trong động lực phát triển của xã hội giai cấp (63,64, 151,152/SGK)

25. Nguồn gốc bản chất đặc trưng, chức năng của nhà nước. Đặc điểm nhà nước pháp quyền Việt Nam (68,69,70/SGK)

*Khái niệm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

-Quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là quá trình đúc kết, kế thừa, vận dụng tư tưởng về Nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật kiểu mới và thực tiễn xây dựng Nhà nước kiểu mới ở nước ta, nhất là trong những năm đổi mới vừa qua.

-Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền xuất hiện rất sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại, ngay từ khi xuất hiện Nhà nước cổ đại và được tiếp tục phát triển, nhất là trong thời kỳ cách mạng tư sản,

phản ánh khát vọng của nhân dân về một Nhà nước bảo đảm tự do, dân chủ, nhân quyền, đối lập với sự độc đoán, độc tài của Nhà nước chủ nô và chế độ chuyên chế hà khắc của Nhà nước phong kiến.

-Nhà nước pháp quyền theo quan điểm của các nhà tư tưởng trong lịch sử nhân loại là Nhà nước bảo đảm tính tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội, trong đó pháp luật phải phản ánh ý chí chung, lợi ích chung của nhân dân; thực hiện và bảo vệ quyền tự do, dân chủ của nhân dân; chịu trách nhiệm trước công dân về những hoạt động của mình và yêu cầu công dân thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; có hình thức tổ chức quyền lực Nhà nước thích hợp bảo đảm chủ quyền thuộc về nhân dân, tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; ngăn chặn được sự tùy tiện, lạm quyền từ phía Nhà nước, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, kể cả vi phạm pháp luật của các cơ quan và công chức nhà nước.

-Như vậy, nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước gắn với một giai cấp mà là hình thức tổ chức quyền lực nhà nước, bảo đảm tổ chức hoạt động của nhà nước tuân theo quy định của pháp luật, thực hiện được quản lý xã hội theo pháp luật, bảo đảm chủ quyền và quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

-Quán triệt quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước, pháp luật kiểu mới và vận dụng phù hợp với thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trên quan điểm này có thể khái quát nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân, vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, quản lý xã hội theo pháp luật nhằm phục vụ lợi ích và hạnh phúc của nhân dân, do Đảng tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm trước nhân dân và sự giám sát của nhân dân.

***Đặc trưng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Trong những năm đổi mới vừa qua Đảng ta đã từng bước phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc cơ bản về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Từ nhận thức lý luận và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có thể khái quát nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng sau đây:

- Là Nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; được tổ chức, hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội.

- Là Nhà nước tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước về mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp; tôn trọng, thực hiện và bảo vệ quyền con người, tất cả vì hạnh phúc của con người; bảo đảm trách nhiệm giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ gắn với tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Đó là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; thực hiện đường lối hòa bình, hữu nghị với nhân dân các dân tộc và các nhà nước trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của nhau,

không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và cùng có lợi; đồng thời tôn trọng và cam kết thực hiện các công ước, điều ước, hiệp ước quốc tế đã tham gia, ký kết, phê chuẩn.

26. Trong tồn tại xã hội/ nhân tố vật chất xã hội, phương thức sản xuất giữ vai trò quan trọng nhất (55,73/SGK)

27. Quy luật phản ánh mối quan hệ vật chất ý thức trong đời sống xã hội. Ý nghĩa phương pháp luận(QL mối qh biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội) (74, 172-176/SGK)

28. Quan điểm duy vật lịch sử (Triết học Mác- Lênin) về con người, vận dụng phát huy nguồn lực con người ở VN (176-179, 77,78,82/SGK)

-Do nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của vấn đề con người đặc biệt là vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay. Đảng ta đã và đang xây dựng và phát triển đất nước toàn diện về nhiều mặt đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, nó phụ thuộc rất nhiều vào nhiều chiến lược con người: Cần đào tạo con người một cách có chiều sâu lấy tư tưởng và chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, cũng như trên thế giới ở nước ta chiến lược con người nó có một ý nghĩa hết sức quan trọng và để phát triển đúng hướng chiến lược đó cần có một chính sách phát triển con người, không để con người đi lệch tư tưởng.

-Phát triển con người là mục tiêu cao cả nhất của toàn dân, đưa loài người tới một kỷ nguyên mới, mở ra nhiều khả năng để tìm ra những con đường tối ưu đi tới tương lai con đường khả quan nhất cho sự nghiệp phát triển con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước. Trong đời sống xã hội thực tiễn cơ sở vận dụng khoa học và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về con người tại hội nghị lần thứ tư của ban chấp hành trung ương Đảng khoá VII đề ra nghị quyết và thông qua nghị quyết về việc phát triển con người Việt Nam toàn diện với tư cách là "Động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội". Đó là "con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức". Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định "Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước". Thực tiễn đã chứng tỏ xã hội ta hiện nay tình trạng mất hài hoà về mặt bản thể của mỗi cá nhân là chủ yếu, là tất cả bản thể cá nhân phát triển toàn diện và hài hoà về đạo đức, trí tuệ, thể lực là mục tiêu xây dựng con người trong chủ nghĩa xã hội nhưng mục tiêu cơ bản và quan trọng hơn cả là vấn đề con người phải trở thành nhân tố quyết định lịch sử xã hội và lịch sử của chính mình.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch rõ hướng đi đúng cho con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thực tế cho thấy cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam đã làm nên thắng lợi cách mạng giải phóng dân tộc (1945), thống nhất đất nước (1975) thực hiện ý chí độc lập tự do con người Việt Nam điều mà bao nhiêu học thuyết trước Mác không thể áp dụng được, chính chủ nghĩa Mác - Lênin đã làm thay đổi, trở thành hệ tư tưởng chính thống của toàn xã hội, thay đổi nhanh chóng đời sống tinh thần đại đa số nhân dân Việt Nam. Thực tiễn hoạt động cách mạng xã hội chủ nghĩa vừa nhanh chóng nâng cao trình độ nhận thức toàn diện. Bằng hệ thống giáo dục với các hình thức đào tạo đa dạng, với các hình thức khoa học thẩm nhuần tinh thần cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đã hình thành kế tiếp nhau những lớp người lao động mới ngày càng có tư tưởng, trình độ chung, chuyên môn cao ngày nay chúng ta đã có

một đội ngũ cán bộ văn hoá khoa học công nghệ với trình độ lý luận và quản lý tốt đồng đều trong cả nước.

-Tuy nhiên, ngày nay với sự phát triển của khoa học công nghệ đạt những thành tựu vượt bậc, thì sự phát triển con người không chỉ là sản phẩm của hệ tư tưởng Mác xít vì ngay khi chủ nghĩa Mác mà các trị của các tư tưởng các tôn giáo, các hệ tư tưởng và văn hoá bản địa đã có sức sống riêng của nó. Chủ nghĩa Mác - Lênin thâm nhập, nó như một hệ tư tưởng khoa học vượt hẳn lên cái nền văn hoá bản địa, nhưng nó cũng chịu sự chi phối tác động đan xen của các yếu tố sai - đúng, yếu - mạnh, mới - cũ, v.v.. Các yếu tố tích cực đã thúc đẩy, còn các yếu tố tiêu cực thì kìm hãm sự phát triển con người.

- Do đó, Đảng ta cũng đã có những đổi mới rõ rệt, sự phát triển hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, sự phân hoá giàu nghèo sự phân tầng xã hội, việc mở rộng dân chủ đối thoại trong sinh hoạt chính trị của đất nước, việc mở cửa và phát triển giao lưu quốc tế về các mặt kinh tế, văn hoá và chính trị, trên thế giới. Sự biến đổi nhanh chóng của tình hình chính trị quốc tế, sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ... Điều đó đòi hỏi chúng ta phải biết vận dụng chủ nghĩa Mác một cách khoa học, hợp lý và sáng tạo để đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội mới nếu muốn tồn tại và vươn lên một tầm cao mới.

29. Quần chúng nhân dân là gì, vì sao nói quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử? (80/SGK)

Vai trò sáng tạo chân chính ra lịch sử của quần chúng nhân dân được biểu hiện ở ba nội dung sau:

-Thứ nhất, quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định trong sản xuất ra của cải vật chất, đảm bảo cho xã hội tồn tại, phát triển.

Vì sản xuất vật chất là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, mà quần chúng nhân dân là lực lượng cơ bản để tiến hành sản xuất vật chất, làm cho lực lượng sản xuất phát triển.

Con người muốn tồn tại phải có các điều kiện vật chất cần thiết, mà những sản phẩm vật chất đó chỉ có thể được đáp ứng thông qua sản xuất. Lực lượng sản xuất đông đảo là lao động trí óc và lao động chân tay: họ là người sáng tạo, cải tạo và trực tiếp sử dụng công cụ sản xuất tác động vào đối tượng lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống xã hội. Cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Song, vai trò của khoa học chỉ có thể được phát huy thông qua thực tiễn sản xuất của quần chúng nhân dân lao động, nhất là đội ngũ công nhân hiện đại và trí thức trong nền sản xuất xã hội của thời đại kinh tế trí thức. Bằng hoạt động thực tiễn của mình, quần chúng nhân dân trực tiếp biến đường lối chính sách kinh tế thành hiện thực. Điều đó khẳng định rằng, hoạt động sản xuất của quần chúng nhân dân là điều kiện cơ bản để quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội.

VD: Con người không ngừng sản xuất tạo ra các mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống như lúa, rau và các loại thực phẩm khác. Ngoài ra, con người ngày càng sáng tạo ra các phát minh tiên tiến giúp cho xã hội loài người ngày càng phát triển.

-Thứ hai, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, không có cuộc chuyển biến cách mạng nào mà không là hoạt động đông đảo của quần chúng nhân dân. Họ là lực lượng cơ bản của cách mạng, đóng vai trò quyết định thắng lợi của mọi cuộc cách mạng.

Nguyên nhân suy đến cùng của cuộc cách mạng xã hội là giải quyết mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nghĩa là bắt đầu từ hoạt động sản xuất vật chất của nhân dân. Trong các cuộc cách mạng làm chuyển biến xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế xã hội khác, nhân dân lao động là lực lượng đông đảo. Cách mạng là ngày hội của quần chúng là sự nghiệp của quần chúng. Bởi vậy, nhân dân lao động là chủ thể của các quá trình kinh tế, chính trị, xã hội, đóng vai trò là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Thực tế đã chỉ rõ không có cuộc cách mạng xã hội nào mà chỉ có cá nhân lãnh tụ, không có quần chúng nhân dân.

VD: Chiến tranh toàn dân bảo vệ đất nước thời Tây Sơn được phát triển từ cuộc khởi nghĩa nông dân chống áp bức phong kiến thành cuộc chiến tranh toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn này chính là cuộc khởi nghĩa của nhân dân, do nhân dân và từ nguyện vọng của nhân dân

-Thứ ba, quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần. Vì quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra đời sống vật chất thì cũng quyết định đời sống tinh thần của xã hội. Triết học Mác không phủ nhận vai trò của các danh nhân văn hóa, nhưng khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của khoa học nghệ thuật, văn học đồng thời áp dụng những thành tựu đó vào thực tiễn. Những sáng tạo về văn học, nghệ thuật, khoa học, y học, quân sự, kinh tế, chính trị, đạo đức... của nhân dân vừa là cội nguồn, vừa là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của nền văn hóa tinh thần của các dân tộc trong mọi thời đại. Hoạt động của quần chúng nhân dân từ trong thực tiễn là nguồn cảm hứng vô tận cho mọi sáng tạo tinh thần trong đời sống xã hội. Mặt khác, các giá trị văn hóa chỉ có thể được trường tồn khi được đông đảo quần chúng nhân dân chấp nhận, truyền bá sâu rộng và gìn giữ để trở thành giá trị phổ biến.

VD: Toàn dân Việt Nam luôn nhớ đến ngày mừng 10/3 âm lịch hàng năm. Nhiều người gần xa tập trung về tỉnh Phú Thọ để viếng thăm và tỏ lòng biết ơn công lao của các vị vua Hùng. Đây là truyền thống "uống nước nhớ nguồn" được giữ gìn bao đời nay đó là giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân ta.

□ Tóm lại, từ hoạt động sản xuất vật chất đến hoạt động tinh thần, từ lĩnh vực kinh tế đến chính trị, quần chúng nhân dân luôn đóng vai trò quyết định trong lịch sử. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện lịch sử mà vai trò chủ thể của quần chúng nhân dân cũng biểu hiện khác nhau.

Lịch sử tồn tại, phát triển của dân tộc Việt Nam đã chứng minh vai trò sức mạnh của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi đã khẳng định: “Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân, thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân

thì chết”. Đảng cộng sản Việt Nam cũng khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quan điểm “lấy dân làm gốc” trở thành tư tưởng thường trực trong mọi hoạt động sáng tạo của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.